BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 19/07/2021

16/07/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,299.31	0.42%	1,438.05	0.54%	307.76	0.48%
Tổng KLGD (tr. cp)	**462.93**	**4.00%**	**174.89**	**-9.81%**	**97.66**	**-17.42%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**415.12**	**-2.17%**	**152.45**	**-19.67%**	**94.99**	**0.98%**
TB 20 phiên (tr. cp)	629.67	-34.07%	232.19	-34.34%	123.64	-23.17%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**15,202.01**	**0.16%**	**8,819.47**	**-6.67%**	**2,326.35**	**-13.77%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**13,450.46**	**-4.81%**	**7,636.36**	**-16.79%**	**2,242.04**	**-0.45%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	20,286.08	-33.70%	11,806.23	-35.32%	2,842.82	-21.13%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	199	47%	19	63%	90	24%
Số mã giảm	178	42%	10	33%	93	25%
Số mã đứng giá	45	11%	1	3%	185	50%

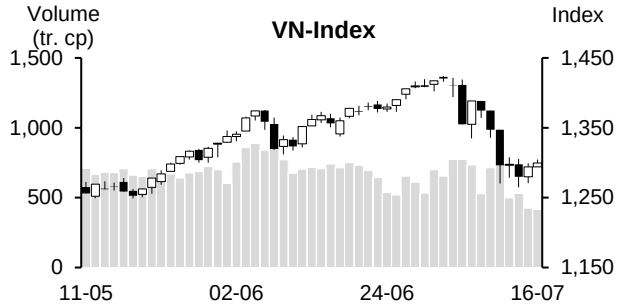

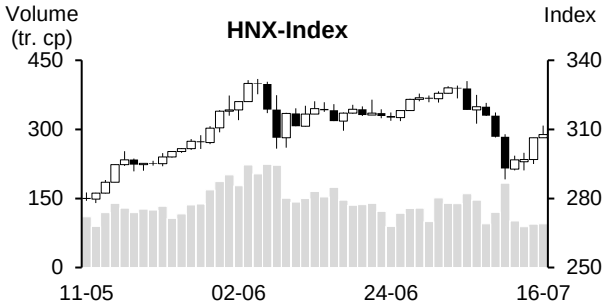

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có diễn biến tăng điểm nhẹ trong phiên ngày thứ 6 khi tâm lý các nhà đầu tư vẫn đang thận trọng và không tiếp tục mua đuổi sau phiên tăng mạnh hôm qua. Thanh khoản thị trường tiếp tuc giảm xuống mức thấp và cùng với đó là sự trái chiều của các cổ phiếu vốn hóa lớn. Đặc biệt là nhóm ngân hàng và chứng khoán đã bắt đầu có dấu hiệu hạ nhiệt trở lại với nhiều cổ phiếu đầu ngành chốt phiên trong sắc đỏ. Độ rộng thị trường cho thấy sự giằng co khi số mã tăng/giảm không có nhiều sự chênh lệch. Nhìn chung, mặc dù thị trường đã trải qua 2 phiên tăng điểm liên tiếp, vẫn chưa thể khẳng định thị trường đã thực sự đảo chiều trở lại trong ngắn hạn khi một lượng lớn dòng tiền vẫn đang đứng ngoài thị trường.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm và ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền thận trọng. Không những vậy, xu hướng giảm ngắn hạn vẫn chi phối chính, khi chỉ số đóng cửa dưới MA20, cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ âm tiêu cực, phiên tăng điểm mới dừng ở một nhịp hồi kỹ thuật. Thêm vào đó, phiên tăng điểm tuy đã lấy lại được mức đóng cửa trên MA5 nhưng nến tăng đã thu hẹp so với phiên trước đó, cho thấy đà phục hồi đang hạ nhiệt và áp lực bán có dấu hiệu quay lại, do đó, trong trường hợp chỉ số không thể giữ được mức đóng cửa trên 1,293 điểm (MA5) thì áp lực thoát hàng sẽ gia tăng và chỉ số có thể quay trở lại xu hướng giảm chính, với hỗ trợ gần quanh 1,271 điểm (MA100) hoặc xa hơn là hỗ trợ tâm lý 1,200 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù chỉ số có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp nhưng vẫn ở dưới MA20 và 50, cùng với nến tăng có dạng Shooting Star phát đi cảnh báo nhịp hồi kỹ thuật có dấu hiệu đảo chiều và rủi ro quay lại xu hướng giảm tăng lên. Hỗ trợ của chỉ số có thể quanh vùng 290 - 293 điểm (MA100). Nhìn chung, nhịp hồi kỹ thuật có dấu hiệu suy yếu và xu hướng chính vẫn là giảm điểm. Do đó, nhà đầu tư nên hạn chế mua đuổi giá cao nhằm tránh rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Cổ phiếu khuyến nghị: DRC (Mua)

Cổ phiếu quan sát: VHM, MWG, MHC

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DRC	Mua	19/07/21	28.05	28.05	0.0%	31.6	12.7%	26.8	-4.5%	Cổ phiếu ở vùng hỗ trợ mạnh và có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VHM	Quan sát mua	19/07/21	109	117-120	Nhịp điều chỉnh vẫn giữ được trên MA50 kèm áp lực bán yếu dần -> khả năng có thể sớm hồi phục cùng thị trường
2	MWG	Quan sát mua	19/07/21	168.1	176-180	Nhịp điều chỉnh tích cực với nến, vol nhỏ dần -> khả năng sớm tăng trở lại, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 160-165
3	MHC	Quan sát mua	19/07/21	9.32	10.5-11	Nhịp điều chỉnh rơi vào trạng thái quá bán + về gần hỗ trợ mạnh quanh 9 -> khả năng sớm có nhịp hồi t+ trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VGC	Mua	12/07/21	29.85	29.5	1.2%	35	18.6%	27.9	-5%	
2	HDG	Mua	14/07/21	50.4	46.5	8.4%	53	14.0%	43.9	-6%	
3	SJS	Mua	16/07/21	61.5	61.8	-0.5%	70	13%	59	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

6 tháng đầu năm, doanh thu công nghiệp ICT đạt mốc 65 tỷ USD

Ngày 16/7, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông cho hay, ước tính trong 6 tháng đầu năm 2021, tổng doanh thu công nghiệp ICT đạt khoảng 65 tỷ USD, tăng trưởng khoảng 22% so với cùng kỳ năm ngoái.

Như vậy, với mức tăng trưởng này, dự báo trong năm 2021, ngành ICT sẽ có sự tăng trưởng bứt phá so với năm 2020 và có thể đạt được mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành gấp 2-3 lần tốc độ tăng trưởng của GDP Việt Nam.

Báo cáo nêu rõ, doanh thu từ lĩnh vực công nghiệp phần cứng, điện tử đạt khoảng 57,6 tỷ USD, chiếm gần 90% tổng doanh thu công nghiệp ICT. Đáng chú ý, 2 nhóm hàng hóa "máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện" và "điện thoại và linh kiện các loại" tiếp tục đứng đầu trong 10 nhóm hàng có giá trị xuất khẩu cao của cả nước.

Chi phí logistics tăng cao khiến nhiều ngành hàng gặp khó

Từ đầu năm đến nay, trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, chi phí logistics không ngừng leo thang. Trong khi chi phí logistics là một yếu tố cấu thành quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, khiến các doanh nghiệp (DN) đang gặp nhiều khó khăn.

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA), 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hồ tiêu ước đạt 155.000 tấn, trị giá 500 triệu USD, giảm 7% về lượng song tăng 41% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Lượng xuất khẩu hồ tiêu giảm ngoài yếu tố sản lượng và ảnh hưởng của dịch Covid-19, chi phí logistics là nguyên nhân chính gây ra nhiều khó khăn và thiệt hại cho xuất khẩu của các DN.

“Thời gian qua, Mỹ và EU là 2 thị trường chính và là thị trường quan trọng với lượng xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam. Tuy nhiên, đây lại là 2 tuyến vận chuyển đường biển có mức tăng giá cước phi mã và bất thường nhất với mức tăng khoảng 1.500-2.000 USD cho một container 40 feet sau mỗi 2 tuần”, đại diện VPA phản ánh.

Nhiều DN hoạt động trong lĩnh vực như dệt may, đồ gỗ, chế biến nông thủy sản... cũng cho biết, chi phí logistics có sự gia tăng mạnh từ năm 2020 tới nay, chủ yếu liên quan đến cước vận tải và tình trạng thiếu container. Ở một số cảng, giá đã tăng gấp đôi so với giá mấy tháng trước và gần gấp 6 lần so với giá đầu năm 2020.

Ông Trần Thanh Hải, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, từ quý IV/2020 đến nay, tác động của dịch Covid-19 gây nên tình trạng ùn tắc tại cảng, đặc biệt tại khu vực châu Âu và Bắc Mỹ. Do vậy, các chuyến tàu bị hạn chế, khả năng luân chuyển cũng bị hạn chế. Điều này gây ra tình trạng khan hiếm chỗ trên tàu cũng như khan hiếm về phương tiện, đẩy giá cước vận chuyển lên cao.

Nguồn：NDH, Cafef

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Quý 2/2021, PDR ước đạt 322 tỷ đồng lợi nhuận, tăng trưởng 112% so với cùng kỳ năm trước

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (Mã CK: PDR) ghi nhận lợi nhuận trước thuế Quý 2/2021 ước đạt 322 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh lên 112% so Quý 2/2020.

Kết quả kinh doanh tích cực trong quý 2/2021 cũng giúp lũy kế lợi nhuận trước thuế nửa đầu năm 2021 của PDR đạt khoảng 637 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng 82% so với cùng kỳ năm 2020.

Biên lợi nhuận gộp Q2/2021 đạt 75,5% trong khi Q1/2021 đạt 65,7%; và quý 2/2020 đạt 38,6%. Nhờ đó, lợi nhuận gộp Q2/2021 của PDR tăng mạnh 91% so với cùng kỳ, tương ứng 407,7 tỷ đồng.

Từ kết quả nêu trên, PDR tự tin năm 2021 sẽ đạt kế hoạch doanh thu 4.700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2.335 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.868 tỷ đồng như kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

Sonadezi Châu Đức lãi kỷ lục quý II, vượt 7% kế hoạch năm sau 6 tháng

Theo BCTC quý II, Sonadezi Châu Đức (HoSE: SZC) ghi nhận doanh thu tăng 47% lên 225 tỷ đồng, giá vốn tăng 17% lên 75 tỷ đồng. Biên lãi gộp cải thiện từ 58,4% lên 66,8%. Lợi nhuận gộp tăng 68% đạt 150 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính giảm từ 8,4 tỷ về 2 tỷ đồng, chi phí quản lý tăng 184% lên 20 tỷ đồng. Do vậy, lãi sau thuế của Sonadezi Châu Đức còn tăng 52%, ghi nhận mức 109 tỷ đồng – là mức kỷ lục mới đạt được trong 1 quý.

Lũy kế 6 tháng, doanh nghiệp khu công nghiệp báo cáo doanh thu thuần đạt 403 tỷ đồng, tăng 47%; lãi sau thuế 189 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước và vượt qua con số đạt được cả năm 2020.

Sonadezi Châu Đức đã cho Công ty Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (HoSE: D2D) thuê gần 32 ha đất trong khu công nghiệp Sonadezi Châu Đức.

Gần 540 triệu cổ phiếu ACB sẽ tự do chuyển nhượng từ 26/7

ACB thông báo gần 540 triệu cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2020 sẽ được tự do chuyển nhượng từ 26/7. Sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu, vốn điều lệ tăng lên hơn 27.000 tỷ đồng.

Quý I, ngân hàng lãi trước thuế 3.104 tỷ đồng, cao hơn 61% so với cùng kỳ 2020. Tại ngày 31/3, tổng tài sản ở mức 449.515 tỷ đồng, tăng 1,1% so với đầu năm.

Nguồn：NDH, Cafef

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	105,800	3.73%	0.26%
MSN	120,500	4.78%	0.13%
GVR	31,350	2.79%	0.07%
ACB	33,600	2.60%	0.05%
VNM	85,900	0.82%	0.03%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHB	28,100	2.93%	0.38%
VCS	110,900	3.74%	0.16%
DXS	30,000	3.45%	0.09%
THD	205,200	0.20%	0.03%
PHP	20,000	2.04%	0.03%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VHM	109,000	-1.18%	-0.09%
BCM	43,100	-4.75%	-0.05%
TCB	51,600	-0.96%	-0.04%
CTG	34,650	-1.00%	-0.03%
SAB	158,000	-1.19%	-0.03%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PVS	24,800	-1.98%	-0.06%
PTI	29,000	-6.45%	-0.04%
MBS	29,500	-1.67%	-0.03%
VND	40,900	-0.73%	-0.03%
SHS	39,900	-1.48%	-0.03%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
HPG	46,750	0.54%	22,253,900
FLC	11,050	-3.91%	21,882,800
STB	28,450	-1.22%	19,474,900
MSB	28,850	1.41%	19,445,200
VPB	64,500	0.78%	15,478,800

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHB	28,100	2.93%	30,045,935
PVS	24,800	-1.98%	7,930,500
NVB	18,700	-1.58%	6,315,864
KLF	3,800	-7.32%	4,264,844
VND	40,900	-0.73%	4,041,683

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	46,750	0.54%	1,046.9
VPB	64,500	0.78%	1,001.5
TCB	51,600	-0.96%	730.4
PDR	90,200	3.44%	604.5
SSI	52,800	-1.68%	576.0

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHB	28,100	2.93%	854.8
PVS	24,800	-1.98%	200.0
VND	40,900	-0.73%	166.6
SHS	39,900	-1.48%	162.4
THD	205,200	0.20%	128.2

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
TCB	7,490,840	390.74
MWG	2,085,700	372.71
E1VFVN30	10,460,000	251.93
STB	7,835,800	221.64
SHI	4,152,275	83.05

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SHS	1,162,000	46.48
VC3	985,000	18.36
BBC	170,000	10.20
DXS	150,000	4.79
NVB	117,000	2.16

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	36.44	1,751.41	40.40	1,682.43	(3.96)	68.98
HNX	0.43	7.09	0.43	12.40	0.00	(5.30)
Tổng 2 sàn	**36.87**	**1,758.50**	**40.83**	**1,694.83**	**(3.96)**	**63.68**

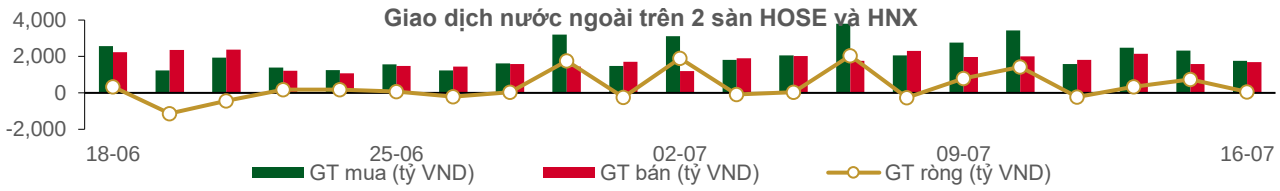

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
MWG	168,100	2,085,700	372.71
E1VFVN30	24,500	11,013,100	265.30
HPG	46,750	3,271,700	154.18
NVL	104,600	1,007,500	105.08
MSN	120,500	864,300	102.97

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VND	40,900	43,300	1.79
TDN	9,200	140,900	1.31
S99	16,800	50,000	0.83
APS	13,000	47,100	0.62
SHB	28,100	14,600	0.41

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
MWG	168,100	2,085,700	372.71
E1VFVN30	24,500	10,500,000	252.85
VCB	102,500	1,207,000	123.47
HPG	46,750	2,514,500	118.10
VHM	109,000	678,400	74.28

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VND	40,900	130,000	5.37
SHB	28,100	101,900	2.87
NDN	22,800	38,400	0.88
VCS	110,900	5,000	0.55
TDN	9,200	50,100	0.46

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
NVL	104,600	927,000	96.67
VIC	105,800	796,800	83.93
MSN	120,500	493,200	58.74
VNM	85,900	521,400	44.81
FUEVFVND	24,700	1,637,600	40.46

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
TDN	9,200	90,800	0.85
S99	16,800	42,900	0.71
APS	13,000	46,100	0.61
HVT	35,800	5,900	0.23
MBG	6,300	23,500	0.15

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
CTG	34,650	(1,839,400)	(64.30)
HSG	35,500	(1,591,000)	(56.76)
VCB	102,500	(381,300)	(38.76)
VHM	109,000	(319,700)	(34.82)
VCI	52,100	(661,600)	(34.76)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VND	40,900	(86,700)	(3.58)
SHB	28,100	(87,300)	(2.45)
NDN	22,800	(25,400)	(0.58)
BSI	21,200	(20,100)	(0.43)
DXS	30,000	(10,000)	(0.30)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	24,500	1.0%	11,347,200	273.45
FUEMAV30	16,920	0.0%	32,100	0.54
FUESSV30	18,230	0.3%	14,300	0.26
FUESSV50	20,800	1.0%	23,000	0.48
FUESSVFL	21,150	-0.1%	84,900	1.80
FUEVFVND	24,700	-0.8%	2,361,800	58.35
FUEVN100	17,950	0.3%	48,700	0.88
Tổng cộng			**13,912,000**	**335.74**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	265.30	252.85	12.45
FUEMAV30	0.03	0.47	(0.44)
FUESSV30	0.02	0.25	(0.23)
FUESSV50	0.00	0.00	(0.00)
FUESSVFL	0.64	1.46	(0.82)
FUEVFVND	49.63	9.17	40.46
FUEVN100	0.54	0.86	(0.32)
Tổng cộng	**316.17**	**265.07**	**51.10**

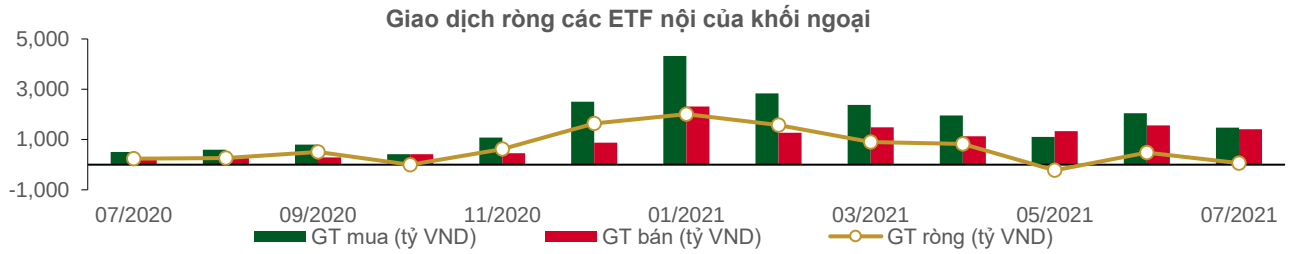

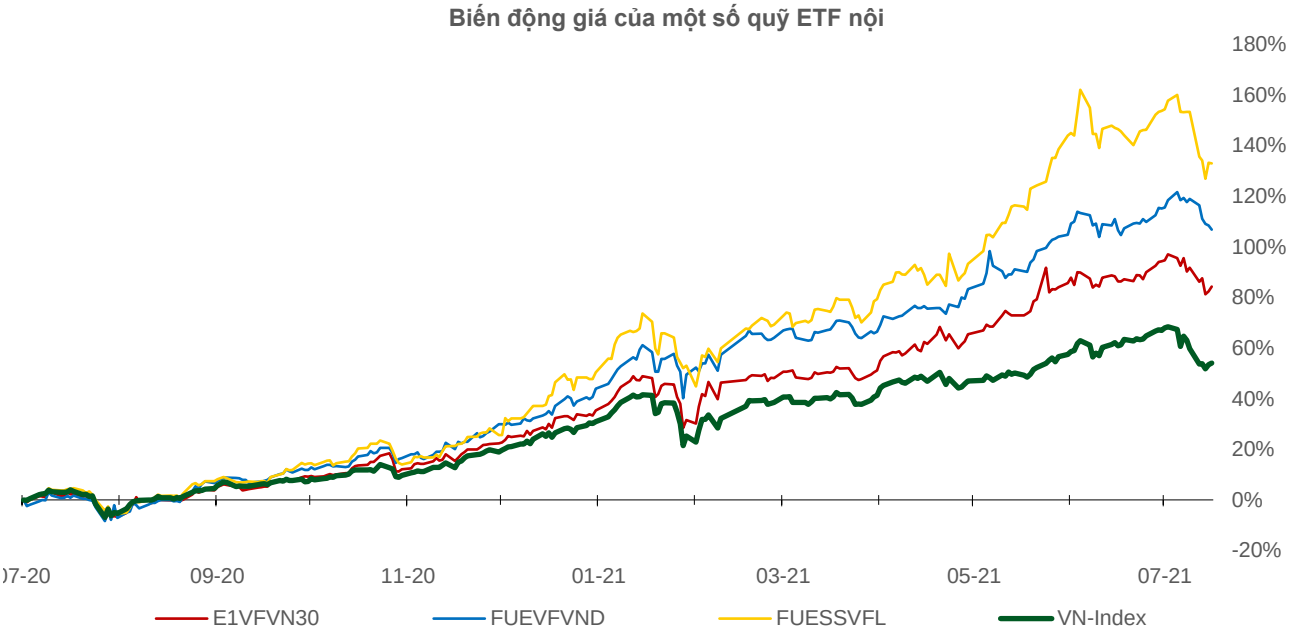

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CHDB2101	2,240	2.8%	6,800	68	33,450	742	(1,498)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	7,500	0.0%	2,750	68	46,750	4,282	(3,218)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2105	12,200	1.2%	5,190	24	46,750	10,609	(1,591)	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	9,600	0.0%	6,060	42	46,750	6,621	(2,979)	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	3,110	-1.3%	31,050	27	46,750	857	(2,253)	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	3,040	-1.3%	34,540	27	46,750	841	(2,199)	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	3,460	0.6%	6,970	31	36,950	3,374	(86)	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	2,170	3.3%	730	68	36,950	1,505	(665)	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	5,050	3.1%	10,310	28	36,950	4,848	(202)	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	2,060	-3.3%	6,530	27	29,100	488	(1,572)	25,530	7.4	12/08/2021
CMSN2101	2,120	1.0%	3,270	68	120,500	1,098	(1,022)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,900	6.7%	3,430	68	120,500	560	(1,340)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	5,600	9.8%	18,170	28	120,500	5,660	60	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2102	9,510	-1.5%	3,330	17	168,100	9,644	134	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2104	6,590	0.3%	5,280	(116)	168,100	(6)	(6,596)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	5,500	-1.8%	6,030	42	168,100	4,616	(884)	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	5,050	1.2%	4,900	68	104,600	4,101	(949)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	3,000	2.0%	3,500	73	104,600	883	(2,117)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	3,240	18.3%	37,900	42	90,200	482	(2,758)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	4,060	15.7%	10,750	73	90,200	703	(3,357)	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2102	3,900	0.0%	11,330	17	96,000	3,370	(530)	79,230	5.0	02/08/2021
CSBT2101	1,850	-3.1%	2,510	68	19,000	0	(1,850)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	5,660	-1.6%	300	68	28,450	3,269	(2,391)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	5,550	-2.6%	16,420	24	28,450	5,238	(312)	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	8,520	-0.2%	4,440	42	28,450	5,607	(2,913)	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	30,200	-1.3%	1,930	14	51,600	29,618	(582)	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	24,890	0.0%	5,240	81	51,600	20,747	(4,143)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2103	9,000	-2.2%	16,950	24	51,600	8,075	(925)	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	7,490	0.4%	3,440	42	51,600	2,957	(4,533)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	520	-1.9%	11,820	31	19,200	(0)	(520)	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,410	2.2%	190	68	19,200	0	(1,410)	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	550	-3.5%	4,300	28	19,200	(0)	(550)	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	430	-12.2%	23,170	27	19,200	(0)	(430)	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,900	0.0%	12,160	68	109,000	252	(1,648)	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2104	1,750	-2.8%	20,870	24	109,000	1,114	(636)	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,680	-1.2%	4,540	28	109,000	471	(1,209)	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	2,060	-4.6%	5,710	27	109,000	0	(2,060)	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,800	12.5%	6,220	68	105,800	0	(1,800)	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,350	14.4%	9,900	73	105,800	0	(1,350)	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,090	5.8%	790	68	85,900	0	(1,090)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	1,700	-2.9%	3,870	59	85,900	0	(1,700)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,130	0.9%	25,500	73	85,900	0	(1,130)	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	38,620	-1.5%	3,060	14	64,500	38,521	(99)	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2103	14,450	-0.3%	32,190	24	64,500	14,026	(424)	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	8,100	0.0%	2,340	42	64,500	5,207	(2,893)	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	1,700	-15.0%	21,180	14	27,700	287	(1,413)	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,520	-1.3%	100	68	27,700	0	(1,520)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2103	510	-7.3%	13,220	24	27,700	(0)	(510)	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	590	-26.3%	9,410	28	27,700	(0)	(590)	34,300	2.0	13/08/2021

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK		Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
PVI	(New)	HNX	37,800	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
VIB	(New)	HOSE	44,850	46,400	15/07/2021	5,546	3,571	18,001	2%	24%	13.0	2.6
BMI	(New)	HOSE	38,050	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG	(New)	HOSE	21,600	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC	(New)	HOSE	96,800	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD	(New)	HOSE	41,200	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR		HOSE	31,350	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
HPG		HOSE	46,750	64,800	02/07/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4
TPB		HOSE	33,900	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDC		HOSE	61,000	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8
KDH		HOSE	36,950	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
SZC		HOSE	36,750	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3
AAA		HOSE	15,750	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
NLG		HOSE	37,200	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6
VRE		HOSE	27,700	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM		HOSE	109,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR		HOSE	49,500	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC		HOSE	32,700	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE		HOSE	51,900	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
ANV		HOSE	26,800	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4
VHC		HOSE	38,400	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6
FMC		HOSE	33,350	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9
MPC		UPCOM	36,462	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP		HOSE	72,400	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG		HOSE	92,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
FRT		HOSE	30,400	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4
DGW		HOSE	130,200	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3
PNJ		HOSE	96,000	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2
MWG		HOSE	168,100	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB		HOSE	158,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
MSN		HOSE	120,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3
VNM		HOSE	85,900	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8
TCM		HOSE	85,300	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9
STK		HOSE	39,700	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7
NVL		HOSE	104,600	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG		UPCOM	41,447	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB		HOSE	102,500	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB		HOSE	33,600	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB		HOSE	51,600	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG		HOSE	15,800	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP		HOSE	56,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD		HOSE	60,200	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT		HOSE	86,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS		HNX	15,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC		HOSE	38,600	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV		UPCOM	75,922	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX		HOSE	51,100	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT		HOSE	19,000	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS		UPCOM	41,915	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS		HOSE	90,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH		HOSE	57,900	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
TNG		HOSE	20,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
GIL	HOSE	56,500	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
BSR	UPCOM	17,954	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	16,500	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	47,950	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	74,480	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	10,600	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912